

CTCP Sản xuất kinh doanh Xuất nhập khẩu Bình Thạnh (HSX: GIL)

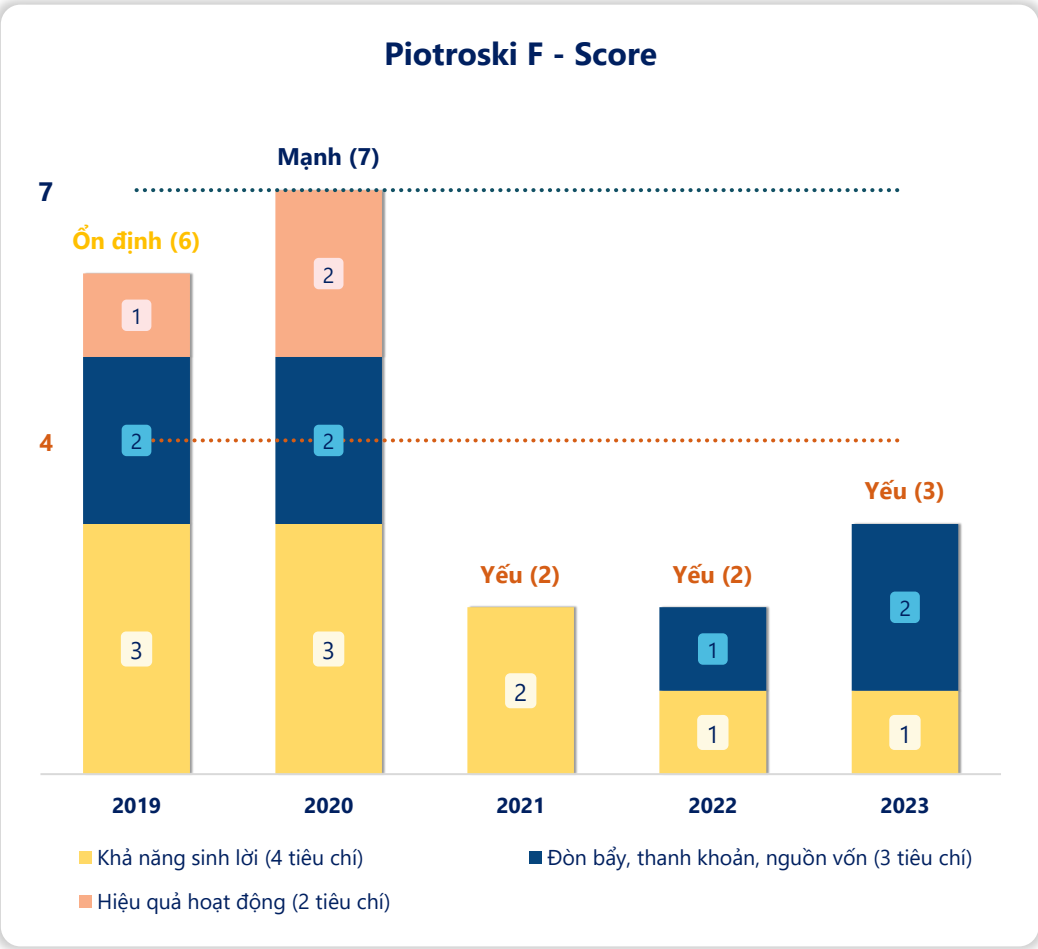
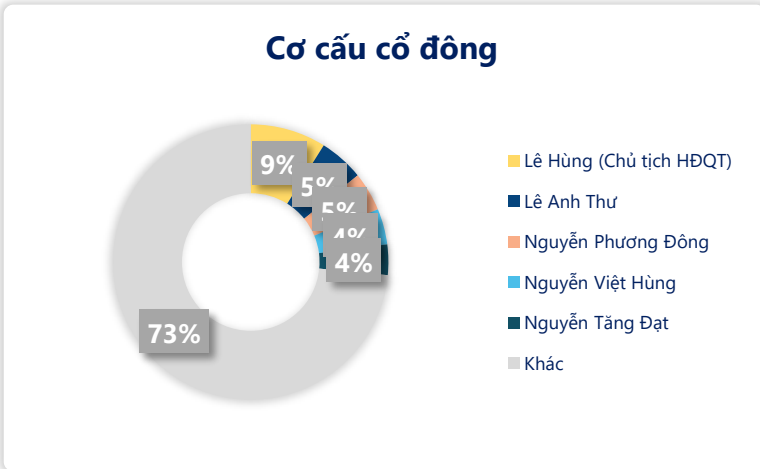
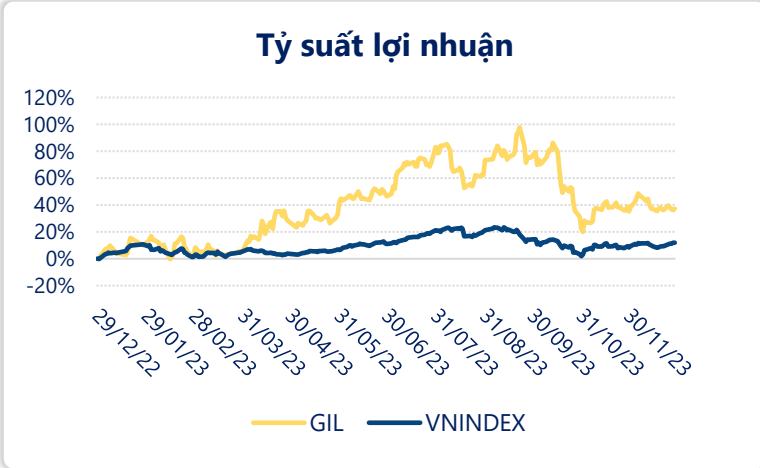
Bảng điểm Piotroski F-Score đánh giá sức khỏe tài chính của doanh nghiệp về tỷ suất lợi nhuận, cơ cấu vốn, tính thanh khoản và hiệu quả hoạt động. Thành phần của Piotroski F-Score gồm 9 chỉ tiêu tài chính, tương ứng với thang điểm từ 0 đến 9.

Ngày	24,950 VNĐ		
29/12/2023			
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-3.7%	-19.5%	-15.6%

Sức mạnh tài chính	2023
Piotroski F - Score	3/9
2023	(Yếu)

DT thuần	2023
936	YoY
tỷ VNĐ	▼ 2,231
	▼ 70.4%

LN sau thuế	2023
28.9	YoY
tỷ VNĐ	▼ 332
	▼ 92.0%

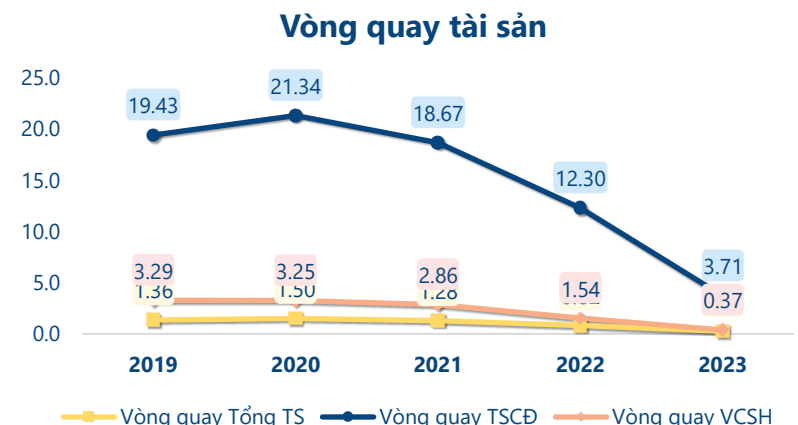
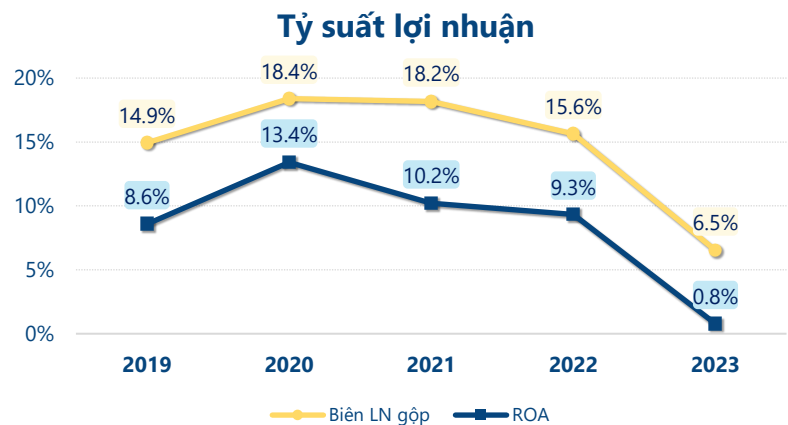
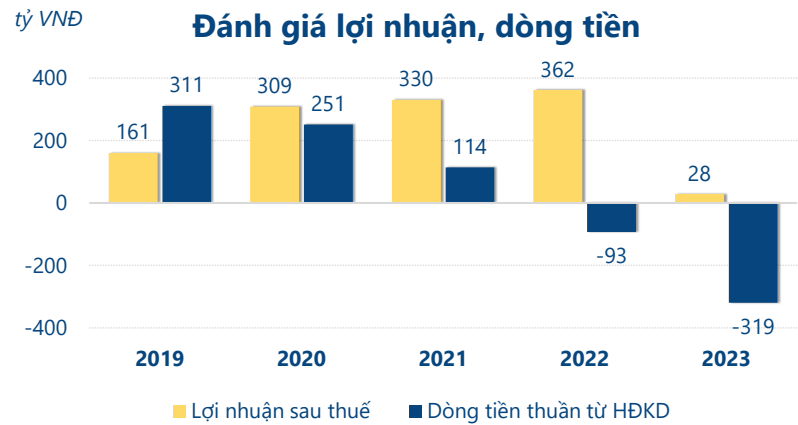


Năm 2023, F-Score của **GIL** đạt **3/9** cao hơn năm trước nhưng sức khỏe tài chính chưa được cải thiện nhiều vẫn đánh giá ở mức "**Yếu**".

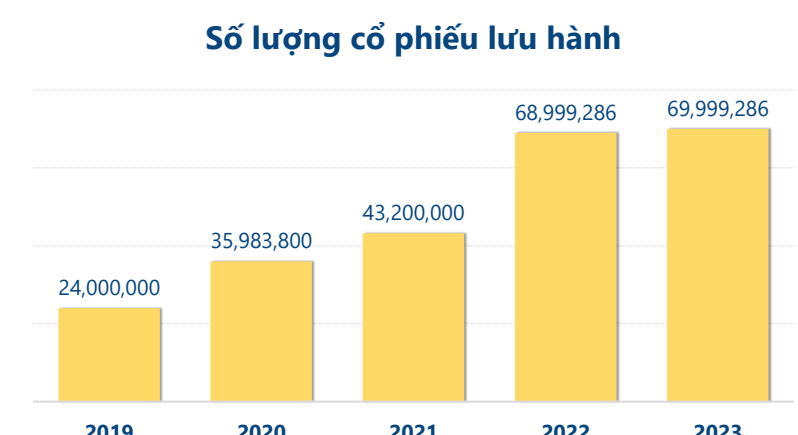
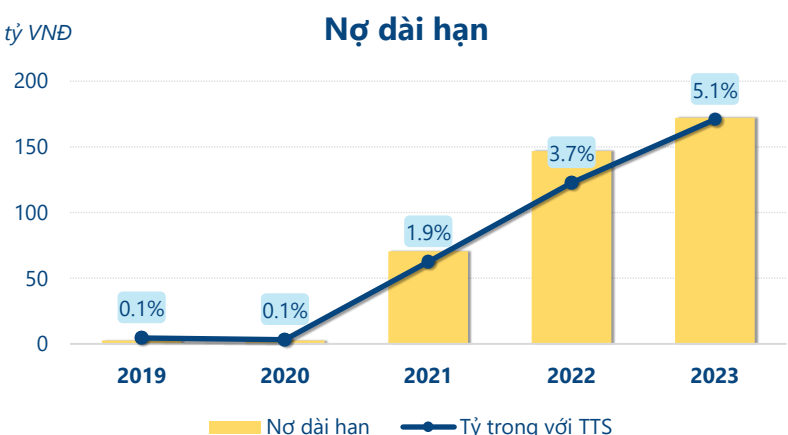
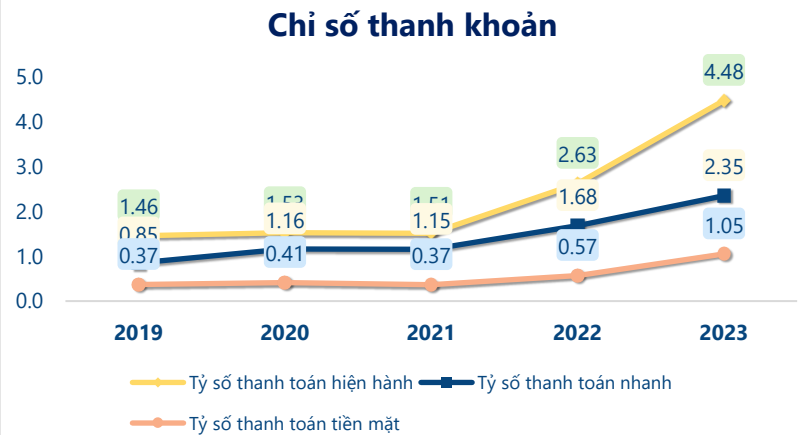
Trong đó, khả năng sinh lời **không đổi** đạt **1/4** điểm, các tiêu chí về: đòn bẩy, thanh khoản, nguồn vốn có cải thiện đạt điểm **2/3**. Và tiêu chí về hiệu quả hoạt động, **không đạt** điểm nào cho thấy hiệu quả hoạt động của công ty chưa tốt.

F-Score ở mức yếu là một tín hiệu xấu cho thấy sự đáng lo ngại về tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của công ty. Phản ánh tình trạng không ổn định và rủi ro tài chính cao.

CTCP Sản xuất kinh doanh Xuất nhập khẩu Bình Thạnh (HSX: GIL)



Xét các tiêu chí thành phần của **F-Score** năm **2023** của **GIL**: Lợi nhuận sau thuế dương là một tín hiệu tích cực, tuy nhiên dòng tiền thuần từ hoạt động kinh doanh âm có thể cho thấy công ty đang gặp khó khăn trong việc sinh lời từ hoạt động kinh doanh cốt lõi của mình. Công ty đang gặp khó khăn trong việc tạo ra lợi nhuận từ mỗi đơn vị tài sản khi ROA giảm so với năm trước. Tỷ lệ nợ dài hạn so với tổng tài sản tăng có thể tạo ra mức độ phụ thuộc cao hơn vào vốn vay dài hạn, làm tăng rủi ro tài chính cho doanh nghiệp. Tuy nhiên cũng có thể phản ánh chiến lược tài chính hoặc nhu cầu vốn vay để đầu tư và mở rộng hoạt động. Tỷ số thanh toán hiện hành tăng phản ánh sự cải thiện của công ty trong quản lý dòng tiền để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán nợ ngắn hạn một cách hiệu quả hơn. Không phát hành thêm cổ phiếu trong kỳ cho thấy sự ổn định trong quy mô vốn cổ phần, giúp duy trì tính hấp dẫn và niềm tin nhà đầu tư.



CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 31/12/2022	Thay đổi
Tổng tài sản	3,359	3,988	-15.8%
Tài sản ngắn hạn	2,875	3,492	-17.7%
Tiền và tương đương tiền	675	759	-11.1%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	222	997	-77.7%
Phải thu ngắn hạn	437	283	54.4%
Hàng tồn kho	1,364	1,254	8.8%
Tài sản ngắn hạn khác	177	199	-11.1%
Tài sản dài hạn	484	496	-2.4%
Phải thu dài hạn	2.73	29.0	-90.6%
Tài sản cố định	249	256	-2.5%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	30.6	17.1	79.6%
Đầu tư tài chính dài hạn	46.9	22.0	114%
Tài sản dài hạn khác	46.3	47.9	-3.3%
Lợi thế thương mại	108	124	-13.1%
Nợ phải trả	816	1,477	-44.7%
Nợ ngắn hạn	644	1,330	-51.5%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	120	664	-81.9%
Phải trả người bán ngắn hạn	373	514	-27.4%
Nợ dài hạn	172	147	17.2%
Vay và nợ thuê dài hạn	170	143	18.8%
Nguồn vốn chủ sở hữu	2,543	2,512	1.2%
Vốn chủ sở hữu	2,543	2,512	1.2%
Vốn điều lệ	700	690	1.4%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	2019	2020	2021	2022	2023
Doanh thu thuần	2,538	3,457	4,150	3,167	936
Giá vốn hàng bán	2,159	2,821	3,396	2,671	875
Lợi nhuận gộp	379	636	754	495	61.1
Doanh thu HĐTC	33.6	62.2	85.1	446	110
Chi phí TC	39.8	47.0	63.0	236	62.4
Chi phí lãi vay	19.9	14.8	16.2	21.0	9.42
LN trong công ty LKLD	-5.34	-21.8	-32.3	-0.04	-0.05
Chi phí bán hàng	87.1	123	156	61.4	4.77
Chi phí QLDN	84.9	111	156	184	155
LN thuần từ HĐKD	196	396	432	459	-51.1
Lợi nhuận khác	15.0	-0.59	1.34	0.04	101
LN trước thuế	211	395	433	459	50.0
Lợi nhuận sau thuế	161	309	331	361	28.9
LNST của CĐ cty mẹ	161	309	330	362	28.5

LƯU CHUYỂN TIỀN 1 (tỷ VNĐ)	2019	2020	2021	2022	2023
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	311	251	114	-92.9	-319
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-71.2	-370	-143	-228	723
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-115	314	208	324	-508
Tiền đầu kỳ	267	392	587	762	779
Lưu chuyển tiền thuần	125	195	180	2.14	-104
Ảnh hưởng tỷ giá	0.12	0.23	-4.48	-5.12	0.01
Tiền cuối kỳ	392	587	762	759	675